

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR

MÔN : THỰC TẬP NHẬN THỨC * SỐ TÍN CHỈ : 01

MÃ MÔN : ARC 348

Học kỳ : 7

Thời gian : 06/2014

Lần thi : 1

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
1	162233437	Nguyễn Công Anh	K16KTR1	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
2	162237656	Nguyễn Việt Cường	K16KTR1	10		8.5						8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
3	162233467	Thái Việt Duy	K16KTR1	10		9.7						9.7	9.7	Chín phẩy Bảy		
4	162233471	Phạm Xuân Hà	K16KTR1	10		8						8	8.3	Tám phẩy Ba		
5	162233473	Trương Việt Minh	K16KTR1	10		8						8	8.3	Tám phẩy Ba		
6	162233479	Nguyễn Thị Thuý Hằng	K16KTR1	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
7	162233483	Nguyễn Hậu	K16KTR1	10		9.7						9.7	9.7	Chín phẩy Bảy		
8	162233487	Lê Trung Hiếu	K16KTR1	10		8						8	8.3	Tám phẩy Ba		
9	162233489	Phạm Ngọc Hiếu	K16KTR1	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
10	162233494	Lê Ngọc Hoàng	K16KTR1	10		8						8	8.3	Tám phẩy Ba		
11	162233496	Thái Bảo Hoàng	K16KTR1	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
12	162233502	Lê Quang Hùng	K16KTR1	10		8.5						8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
13	162236505	Đặng Quốc Huy	K16KTR1	10		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
14	162233523	Lê Thị Thuý Liên	K16KTR1	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
15	162236640	Đặng Quang Luận	K16KTR1	10		7						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
16	162233534	Hồ Thị Diễm Mi	K16KTR1	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
17	162233537	Phạm Hồng Minh	K16KTR1	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
18	162233546	Nguyễn Phước Nghĩa	K16KTR1	9		9						9	9.0	Chín		
19	162233554	Lê Thị Nhân	K16KTR1	10		10						10	10.0	Mười		
20	162233558	Nguyễn Trương Phú	K16KTR1	0		0						V	0.0	Không		
21	162233563	Phạm Phương	K16KTR1	9		9						9	9.0	Chín		
22	162233569	Lê Đức Quốc	K16KTR1	9		9						9	9.0	Chín		
23	162233572	Trần Đình Quyết	K16KTR1	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
24	162233576	Lộ Thanh Tâm	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
25	132234952	Trần Minh Thắng	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
26	162233585	Hoàng Minh Thanh	K16KTR1	9		9						9	9.0	Chín		
27	162233593	Trần Thị Thanh Thảo	K16KTR1	9		9						9	9.0	Chín		
28	162233596	Nguyễn Văn Thịnh	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
29	162236643	Trần Thanh Tịnh	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
30	162233616	Nguyễn Nho Toàn	K16KTR1	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
31	162233626	Hà Xuân Trung	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
32	162233638	Phạm Bá Vinh	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
33	162233642	Nguyễn Thế Vũ	K16KTR1	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
34	162233486	Đặng Quang Điệp	K16KTR1	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		

Thời gian : 06/2014

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
35	152232970	Trương Quang	Duy	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
36	162233442	Nguyễn Lê Duy	Bảo	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
37	162233449	Trần Thị	Chi	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
38	162233461	Nguyễn Văn	Đạt	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
39	162233464	Võ Viết	Đức	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
40	162233468	Lê Nguyễn Hạnh	Duyên	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
41	162233477	Nguyễn Nhật	Hân	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
42	162233480	Đinh Phương Hồng	Hạnh	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
43	162233481	Trần Lý Quang	Hào	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
44	152232960	Nguyễn Minh	Hoàng	K16KTR2	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín		
45	162233497	Lê Bá Nhật	Hoàng	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
46	162233499	Nguyễn Duy	Hợp	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
47	162233504	Nguyễn Quang	Hùng	K16KTR2	0		0						HP	0.0	Không	Nợ HP	
48	162233511	Đinh Quốc	Huy	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
49	162233521	Nguyễn Thanh	Lâm	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
50	162233528	Trần	Lợi	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
51	162233535	Đoàn Quang	Minh	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
52	162233540	Hạ Thị Thanh	Mỹ	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
53	162233543	Lê Đình	Nam	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
54	162233547	Trương Công	Ngọ	K16KTR2	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín		
55	162233555	Trần Thị Mỹ	Nhi	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
56	162233559	Nguyễn Duy	Phúc	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
57	162233562	Trương Thị Thuý	Phương	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
58	162233570	Lê Phước	Quốc	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
59	162233573	Trần Hạ	San	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
60	162233577	Đặng Văn	Tân	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
61	162233579	Nguyễn Văn	Tây	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
62	162233590	Nguyễn Quang	Thành	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
63	162233591	Hà Công	Thành	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
64	162233594	Đoàn Thượng	Thi	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
65	162233597	Nguyễn Đình	Thông	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
66	162233602	Đinh Lý Hoài	Thương	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
67	162233604	Nguyễn Phạm Sơn	Thuý	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
68	162233608	Nguyễn Nam	Tiến	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
69	162233619	Cao Xuân	Toàn	K16KTR2	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín		

Thời gian : 06/2014

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
70	162236644	Cao Đặng Huyền	Trang	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
71	162233624	Nguyễn Minh	Trí	K16KTR2	0		0						V	0.0	Không		
72	162233627	Nguyễn Bảo	Trung	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
73	162237617	Phạm Tiến	Trung	K16KTR2	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín		
74	162236434	Trần Quang	Tư	K16KTR2	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín		
75	142231454	Đỗ Anh	Tuấn	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
76	152232933	Hồ Thanh	Tuấn	K16KTR2	0		0						V	0.0	Không		
77	162233634	Trịnh Thanh	Tùng	K16KTR2	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
78	162233639	Trương Tấn	Vinh	K16KTR2	0		0						V	0.0	Không		
79	162236435	Nguyễn Thị Bảo	Yến	K16KTR2	9		9						9	9.0	Chín		
80	152232808	Dương	Tùng	K15KTR	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín	66500	
81	162233436	Thái Thị	Anh	K16KTR3	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm		
82	162233441	Phan Tuấn	Anh	K16KTR3	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm		
83	162236709	Ngô Thị	Anh	K16KTR3	10		10						10	10.0	Mười		
84	162233446	Phạm Văn	Chất	K16KTR3	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm		
85	162233450	Lê Văn	Chiến	K16KTR3	10		10						9.5	9.7	Chín phẩy Bảy		
86	162233455	Nguyễn Hoàng Quốc	Cường	K16KTR3	10		10						9.5	9.7	Chín phẩy Bảy		
87	162233462	Phạm	Đạt	K16KTR3	10		10						8.5	9.2	Chín phẩy Hai		
88	162233465	Hoàng Quốc	Dũng	K16KTR3	10		10						8	8.9	Tám phẩy Chín		
89	162233469	Ngô Thị Kiều	Giang	K16KTR3	10		10						8.5	9.2	Chín phẩy Hai		
90	162233472	Ngô	Hải	K16KTR3	10		10						8.5	9.2	Chín phẩy Hai		
91	162233485	Trần Minh	Hiển	K16KTR3	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm		
92	162233492	Trần Viết	Hoàn	K16KTR3	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm		
93	162233498	Nguyễn Hồng	Hoàng	K16KTR3	10		10						8	8.9	Tám phẩy Chín		
94	162233503	Lưu Văn	Hùng	K16KTR3	0		0						V	0.0	Không		
95	162233512	Phạm Thị	Huyền	K16KTR3	10		10						9.5	9.7	Chín phẩy Bảy		
96	162233515	Nguyễn Đình	Khoa	K16KTR3	10		10						8	8.9	Tám phẩy Chín		
97	162233525	Nguyễn Quang	Linh	K16KTR3	10		10						8	8.9	Tám phẩy Chín		
98	162233529	Đặng Hoàng	Long	K16KTR3	10		10						9.5	9.7	Chín phẩy Bảy		
99	162233533	Nguyễn Thị Hương	Luy	K16KTR3	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm		
100	162233544	Đặng Thị Kim	Nga	K16KTR3	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm		
101	162233556	Hồ Tuấn	Phong	K16KTR3	0		0						V	0.0	Không		
102	162233561	Dương Phú	Phước	K16KTR3	9		9						9	9.0	Chín		
103	162236915	Lê Thế	Phương	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
104	162233567	Hoàng Trọng	Quang	K16KTR3	9		9						9	9.0	Chín		

Thời gian : 06/2014

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
105	162233578	Nguyễn Minh	Tân	K16KTR3	9		9						9	9.0	Chín		
106	162233581	Lê Hoàng Việt	Thắng	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
107	162233584	Nguyễn Thị Phương	Thanh	K16KTR3	9		9						9	9.0	Chín		
108	162233587	Ngô Việt	Thanh	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
109	162233589	Vũ Đức	Thành	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
110	162233598	Lê Ngọc	Thu	K16KTR3	9		9.5						9.5	9.4	Chín phẩy Bốn		
111	162233601	Hoàng Thị Hoài	Thương	K16KTR3	9		9						9	9.0	Chín		
112	162233606	Phạm Thị Lam	Thuyền	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
113	162233610	Nguyễn Tài	Tiến	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
114	162233614	Vũ Văn	Tĩnh	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
115	162233620	Huỳnh Thị Thùy	Trang	K16KTR3	9		9.5						9.5	9.4	Chín phẩy Bốn		
116	162233628	Thái Lâm	Trường	K16KTR3	9		9.5						9.5	9.4	Chín phẩy Bốn		
117	162233630	Nguyễn Vĩnh	Tuấn	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
118	162237005	Trương Xuân	Vinh	K16KTR3	9		9.5						9.5	9.4	Chín phẩy Bốn		
119	162233644	Phan Bá	Vương	K16KTR3	9		8.5						8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
120	162236916	Lê Xuân	Thành	K16KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
121	162233439	Nguyễn Đức	Anh	K16KTR4	10		10						9.5	9.7	Chín phẩy Bảy		
122	162233444	Phùng Quốc	Bảo	K16KTR4	10		10						7.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
123	162233454	Trần Văn	Cường	K16KTR4	10		10						8	8.9	Tám phẩy Chín		
124	162233466	Nguyễn Thị Hường	Dương	K16KTR4	10		10						8.5	9.2	Chín phẩy Hai		
125	152233019	Ngô Thị	Giang	K16KTR4	10		10						8.5	9.2	Chín phẩy Hai		
126	162233470	Nguyễn	Giàu	K16KTR4	10		10						9	9.5	Chín phẩy Năm		
127	162233474	Phạm Thanh	Hải	K16KTR4	10		10						8.5	9.2	Chín phẩy Hai		
128	162233475	Đỗ Văn	Hải	K16KTR4	10		10						7.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
129	162236639	Nguyễn Quang	Hiếu	K16KTR4	10		10						8	8.9	Tám phẩy Chín		
130	162233501	Cao Mạnh	Hùng	K16KTR4	10		10						8.5	9.2	Chín phẩy Hai		
131	162233505	Nguyễn Khánh	Hưng	K16KTR4	10		10						7	8.4	Tám phẩy Bốn		
132	162233526	Lê Văn	Lộc	K16KTR4	10		10						7.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
133	162236506	Nguyễn Văn	Mạnh	K16KTR4	10		10						7	8.4	Tám phẩy Bốn		
134	152232891	Nguyễn Anh	Minh	K16KTR4	10		10						V	0.0	Không		
135	162233541	Nguyễn Lê	Na	K16KTR4	10		10						9.5	9.7	Chín phẩy Bảy		
136	162233545	Lê Mỹ	Ngân	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
137	162233549	Trần Đỗ ánh	Ngọc	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
138	162233553	Hồ Văn	Nhàn	K16KTR4	9.5		9.5						9	9.2	Chín phẩy Hai		
139	162233557	Phạm Châu	Phong	K16KTR4	9.5		9						8.5	8.8	Tám phẩy Tám		

Thời gian : 06/2014

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
140	162233565	Nguyễn Ngọc Nhất	Phuong	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
141	162233568	Ngô Đình	Quế	K16KTR4	9.5		9.5						9	9.2	Chín phẩy Hai		
142	162237421	Lê Xuân	Quyền	K16KTR4	9.5		9						9	9.1	Chín phẩy Một		
143	162233583	Trần Phước	Thanh	K16KTR4	9.5		8						7.5	8.0	Tám		
144	162233588	Nguyễn Việt	Thành	K16KTR4	9.5		7.5						7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
145	162236835	Nguyễn Chí Duy	Thành	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
146	152232847	Phan Như	Thịnh	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
147	162233603	Phạm Thương	Thương	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
148	162233611	Trần Ngọc	Tiến	K16KTR4	9.5		8						7.5	8.0	Tám		
149	162233615	Lê Thanh	Tịnh	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
150	162233621	Nguyễn Thế Bích	Trang	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
151	162233629	Trần Công	Trường	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
152	162233632	Nguyễn Thanh	Tuấn	K16KTR4	9.5		9.5						9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
153	162233643	Võ Đình	Vương	K16KTR4	9.5		7.5						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
154	152233065	Phan Trần	Anh	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
155	162233435	Võ Ngọc Quỳnh	Anh	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
156	162233453	Đỗ Mạnh	Cường	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
157	162233457	Võ Bá	Danh	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
158	152232947	Phạm Văn Thành	Đạt	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
159	162233460	Lương Tấn	Đạt	K16KTR5	0		0						V	0.0	Không		
160	152232801	Võ	Dũng	K16KTR5	10		9						8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
161	152232970	Trương Quang	Duy	K16KTR5	0		0						V	0.0	Không		
162	152232946	Lê Minh	Hải	K16KTR5	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu		
163	162233476	Phan Quốc	Hân	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
164	162233482	Nguyễn Nhật	Hậu	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
165	162233488	Ngô Văn	Hiếu	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
166	162233495	Nguyễn Tri Bảo	Hoàng	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
167	162233500	Võ Thị	Huệ	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
168	162233508	Trần Kim	Huy	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
169	162233514	Ngô Thái Quốc	Khánh	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
170	162233516	Bùi Quang	Khoa	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
171	162233517	Lưu Tổng Đăng	Khoa	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
172	162233518	Trần Phước	Kỹ	K16KTR5	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
173	162233522	Trần Việt	Liêm	K16KTR5	10		9						8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
174	142234645	Hồ Hoài	Linh	K16KTR5	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		

Thời gian : 06/2014

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
175	132234867	Lê Đình Long	K16KTR5	9		9						9	9.0	Chín		
176	162233532	Võ Gia Lưu	K16KTR5	9		9						9	9.0	Chín		
177	162233539	Nguyễn Tấn Mỹ	K16KTR5	9		9						8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
178	142234945	Lê Tuấn Pháp	K16KTR5	9		9						9	9.0	Chín		
179	162237347	Hồ Thị Minh Phương	K16KTR5	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
180	152233060	Phan Tấn Phú	K16KTR5	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
181	152233027	Lê Văn Thiên	K16KTR5	9		9						9	9.0	Chín		
182	162233599	Nguyễn Thị Thuận	K16KTR5	9		9						9	9.0	Chín		
183	162236642	Nguyễn Thị Thanh Thủy	K16KTR5	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
184	162233622	Phạm Quốc Trí	K16KTR5	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
185	162233623	Nguyễn Quang Trí	K16KTR5	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
186	152232986	Nguyễn Đình Trục	K16KTR5	9		9						9	9.0	Chín		
187	132234928	Lương Vi	K16KTR5	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
188	152233035	Đặng Quang Trường	K16KTR5	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
189	152233008	Nguyễn Hoàng Tùng	K16KTR5	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
190	152232902	Nguyễn Văn Hoàng	K16KTR5	0		0						HP	0.0	Không	Nợ HP	
191	162233493	Đặng Minh Hoàng	K16KTR5	9		9						9	9.0	Chín		
192	152232820	Trần Bá Trình	K16KTR5	9		9						9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
1	152235937	Văn Công Tạo	K15KTR	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm	67260	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	182	94%	
2	Số sinh viên nợ	11	6%	
TỔNG CỘNG :		193	100%	

Đà Nẵng, 15/01/2014

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Võ Quốc Toàn

Trần Thị Lan Anh

Lê Thị Thu Hà

Ths. Nguyễn Ân